

Số: 112/BC-TrTH

Núa Ngam, ngày 27 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện quy chế công khai năm học 2020-2021

Kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2021-2022

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường Tiểu học xã Núa Ngam báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai năm học 2020-2021 và kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2021-2022 như sau:

I. Kết quả thực hiện quy chế công khai năm học 2020-2021

Năm học 2020-2021 trường TH xã Núa Ngam thực hiện quy chế công khai đạt được các kết quả như sau:

1. Về việc thực hiện cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a. Thực hiện cam kết chất lượng giáo dục:

Nhà trường thực hiện nghiêm túc điều kiện tuyển sinh, thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ GD&ĐT; phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình học sinh theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, học sinh có thái độ học tập nghiêm túc; cơ sở vật chất đảm bảo phục vụ cho việc giảng dạy và giáo dục học sinh; có các hoạt động hỗ trợ học tập và sinh hoạt của học sinh như hoạt động Đội – sao, hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm,...; đội ngũ giáo viên đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, tỉ lệ GV trên lớp là 1,5.

b. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế cuối năm học 2020 – 2021 của nhà trường:

Sức khỏe học sinh đảm bảo, đủ sức khỏe để tiếp tục học lên các lớp trên.

Mức chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1: Xây dựng kế hoạch duy trì trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng:

a. Cơ sở vật chất: Nhà trường có đủ số lượng các phòng học và các phòng giáo dục nghệ thuật, diện tích phòng học ở khu trung tâm là 45m²/phòng, khu điểm trường Na Sang là 32,5m²/phòng, khu điểm trường Huổi Hua+ Tin Lán là 31,9m²/phòng, bình quân một học sinh 1,6 m²; thiết bị dạy học đảm bảo, mỗi học sinh có 1 bộ học Toán, 1 bộ học TV; có bộ đồ dùng học môn kỹ thuật... Trường có đàn oóc gan và đàn piano, máy tính, đầu đĩa, máy photocopy, máy chiếu, máy quay...

b. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Tổng số cán bộ giáo viên là 30 người, trong đó BGH: 02; GV: 24; nhân viên: 04. Tỉ lệ GV/lớp 1,5. Tất cả CBQL-GV đều có trình độ đạt chuẩn đào tạo, trong đó có 26/26 CBQL-GV có trình độ thạc sĩ, đại học và cao đẳng.

3. Công khai thu chi tài chính:

Thực hiện công khai nguồn tài chính do ngân sách nhà nước cấp, ngân sách xã hội hóa. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo đúng hướng dẫn.

II. Kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2021-2022

1. Xây dựng kế hoạch, hoàn thiện các nội dung công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT, báo cáo Phòng GD&ĐT; tổ chức công khai tại trường.

2. Nội dung công khai:

2.1 Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh của cơ sở giáo dục, chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục; kết quả chất lượng học sinh; khả năng học tập tiếp tục của học sinh.

b) Chất lượng giáo dục thực tế năm học 2020-2021.

Khối 1:

* Các môn học và hoạt động giáo dục:

Năm học	Tổng số HS được đánh giá	TOÁN						TIẾNG VIỆT					
		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		SL	%	SL	%	SL	TL	SL	%	SL	%	SL	%
2020-2021	85	46	54,1	38	44,7	1	1,2	44	51,8	40	47	1	1,2

Trong đó có 01 học sinh khuyết tật

Năng lực chung

Năng lực	Mức đạt được	Năm học 2020 - 2021	
		TS	%
Năng lực tự phục vụ tự quản	Tốt	44	51,7
	Đạt	40	47,1
	Cần cố gắng	1	1,2
+ Năng lực Hợp tác:	Tốt	41	48,1
	Đạt	43	50,7
	Cần cố gắng	1	1,2
Tự học tự giải quyết vấn đề	Tốt	41	48,1
	Đạt	43	50,7
	Cần cố gắng	1	1,2

Năm học 2020 – 2021 học sinh lớp 1 đánh giá theo thông tư 27/2020, đánh

giá theo chương trình giáo dục phổ thông 2018, ngoài năng lực chung còn đánh giá theo các năng lực đặc thù sau:

TT	Năng lực	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Ngôn ngữ	43	50,7	41	48,1	1	1,2
2	Tính Toán	44	51,7	40	47,1	1	1,2
3	Khoa học	41	48,1	44	51,9	0	0
4	Thẩm mỹ	43	50,7	42	49,3	0	0
5	Thể chất	45	52,9	40	47,1	0	0

***Phẩm chất**

Năm học	Chăm học, chăm làm						Tự tin, trách nhiệm					
	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	Số lượng	Ti lệ	Số lượng	Ti lệ	Số lượng	Ti lệ	Số lượng	Ti lệ	Số lượng	Ti lệ	Số lượng	Ti lệ
2020-2021	83	97,6	2	2,4	0	0	83	97,6	2	2,4	0	0
	Trung thực, kỉ luật						Đoàn kết, yêu thương					
	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	Số lượng	Ti lệ	Số lượng	Ti lệ	Số lượng	Ti lệ	Số lượng	Ti lệ	Số lượng	Ti lệ	Số lượng	Ti lệ
2020-2021	83	97,6	2	2,4	0	0	84	98,9	1	1,2	0	0
	Yêu nước											
	Tốt		Đạt		Cần cố gắng							
	Số lượng	Ti lệ	Số lượng	Ti lệ	Số lượng	Ti lệ						
2020-2021	84	98,8	1	1,2	0	0						

Khối 2,3,4,5:

*** Các môn học và hoạt động giáo dục:**

Năm học	Tổng số HS được đánh giá	TOÁN						TIẾNG VIỆT					
		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		SL	%	SL	%	SL	TL	SL	%	SL	%	SL	%
2020-2021	344	72	20,9	271	78,8	1	0,3	72	20,9	271	78,8	1	0,3

*** Năng lực:**

Năng lực	Mức đạt được	Năm học 2020 - 2021	
		TS	%
Năng lực tự phục vụ tự quản	Tốt	266	77,3

	Đạt	77	22,4
	Cần cố gắng	1	0,3
+ Năng lực Hợp tác:	Tốt	202	58,7
	Đạt	141	41
	Cần cố gắng	1	0,3
Tự học tự giải quyết vấn đề	Tốt	171	49,7
	Đạt	172	50
	Cần cố gắng	1	0,3

*** Phẩm chất:**

Năm học	Chăm học, chăm làm						Tự tin, trách nhiệm					
	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
2020-2021	343	99,7	1	0,3	0	0	340	98,8	4	1,2	0	0
	Trung thực, kỉ luật						Đoàn kết, yêu thương					
	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
2020-2021	342	99,4	2	0,6	0	0	343	99,7	1	0,3	0	0

• Năng lực

Tự phục vụ, tự quản						Hợp tác						Tự học và giải quyết vấn đề					
Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
281	66,7	139	33,0	01	0,2	236	56,1	183	43,5	2	0,5	225	53,4	194	46,1	2	0,5

• Phẩm chất

Chăm học, chăm làm						Tự tin, trách nhiệm					
Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
361	85,7	60	14,3	0	0	326	77,4	95	22,6		

Trung thực, kỉ luật						Đoàn kết, yêu thương					
Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
391	92,9	30	7,1			409	97,1	12	2,9		

c. Mức chất lượng duy trì đạt chuẩn quốc gia mức độ 1

2.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng:

a) Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân/lớp.

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên, trình độ đào tạo.

2.3. Công khai thu chi tài chính năm học 2020-2021:

3. Hình thức, thời điểm công khai:

Niêm yết công khai tại bảng tin, đưa lên hộp thư điện tử của nhà trường.

Thời điểm công khai là đầu năm học (tháng 9/2021) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Trên đây là kết quả thực hiện quy chế công khai năm học 2020-2021 và kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2021-2022 của trường Tiểu học xã Núa Ngam.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (báo cáo);
- Lưu: VT.



Bùi Thị Thu Hằng